

# KINH TẾ SỐ HƯỚNG TỚI PHỤC HỒI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

*ThS. Trịnh Xuân Thắng*

**Tóm tắt:** Thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ kỹ thuật số. Kinh tế số (KTS) đang trở thành xu hướng phát triển của nhiều nước hiện nay. Phát triển KTS được xem là biện pháp tối ưu nhằm hiện thực hóa mong muốn, khát vọng biến Việt Nam trở thành một nước hùng cường và phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những năm qua, KTS đã có những bước phát triển ấn tượng, giúp Việt Nam trở thành một trong những nền KTS hàng đầu khu vực. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nhiều vấn đề đang đặt ra đối với việc phát triển KTS trong bối cảnh mới ở nước ta hiện nay.

**Từ khoá:** Kinh tế số, phát triển kinh tế số Việt Nam.

**Summary:** The world is entering the 4th Industrial Revolution (IR 4.0) with a strong explosion of digital technology. Digital economy (DE) is becoming a development trend of many countries today. DE is considered the optimal measure to realize the desire and aspiration to turn Vietnam into a powerful and developed country with socialist orientation. Over the years, DE has made impressive developments, helping Vietnam become one of the leading DEs in the region. However, besides the achieved achievements, many problems are posed for the development of DE in the new context in our country today.

**Keywords:** Digital economy, development of Vietnam's digital economy.

## **Giới thiệu**

Kinh tế số là các hoạt động kinh tế dựa trên công nghệ số và được thực hiện thông qua môi trường số. KTS đã và đang đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam nói chung và quốc tế nói riêng khi mà các công nghệ chuyển đổi số, các hoạt động kinh tế diễn ra trên không gian kỹ thuật số dần trở thành một xu hướng tất yếu đối với các nền kinh tế trên thế giới. KTS đã xuất hiện và lan tỏa từ khoảng thế kỉ XX dưới những dạng thương mại, các hoạt động mua bán sơ khai trên nền tảng số. Đến thời kì dịch bệnh Covid-19 hoành hành cộng thêm sự phát triển của CMCN

4.0, KTS mới thực sự gây được tiếng vang và thể hiện được rõ hơn vai trò đối với phát triển kinh tế, xã hội.

Với độ mở nền kinh tế lên tới hơn 200%, nền kinh tế Việt Nam cũng trở nên dễ bị tổn thương hơn trước những biến động bất định của thế giới. Sự bùng phát của Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế và sinh mạng của người dân, gây gián đoạn các hoạt động kinh tế, làm hạn chế sự tương tác giữa người với người, cùng với những khoản chi phí ngân sách khổng lồ cho hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, đại dịch cũng là cơ hội

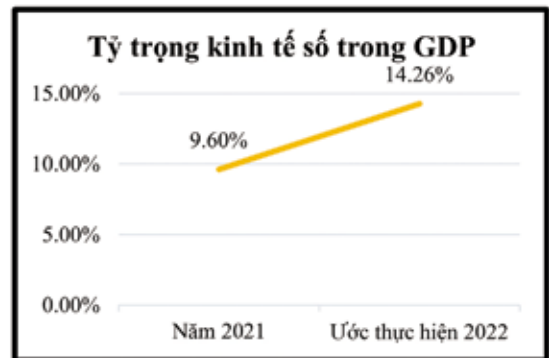
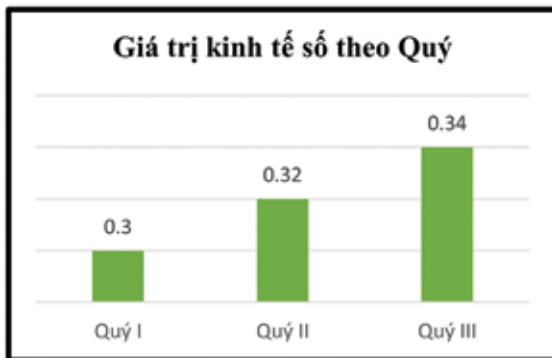
thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, giúp người dân ngày càng làm quen với các thói quen tiêu dùng, trao đổi thông tin và làm việc trên môi trường số. Nói cách khác, đại dịch đã thay đổi hành vi hàng ngày của con người; việc sử dụng các công nghệ số được coi là một trong những biện pháp để giảm thiểu nguy cơ lây lan dịch bệnh.

Sau khi dịch bệnh tạm giảm nhiệt, thế giới lại phải đối mặt với các thách thức khác phát sinh từ việc giảm tác động tiêu cực từ những quyết sách trong thời kỳ bệnh dịch, như lạm phát, giảm cường độ đầu tư, ổn định an sinh cho người lao động và kết nối lại những hoạt động kinh tế bị đứt gãy. Riêng KTS vẫn thể hiện được đà tăng trưởng vượt bậc trước, trong và sau dịch bệnh và dần trở thành một trụ cột quan trọng trong việc phục hồi và tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

## 1. Thực trạng phát triển kinh tế số tại Việt Nam

### 1.1. Vị thế của kinh tế số Việt Nam trên thế giới

Tốc độ tăng trưởng KTS Việt Nam đạt 28% năm 2022 so với năm 2021, đứng đầu Đông Nam Á (Indonesia 22%; Philippines 22%; Sing 22%; Thái Lan 17%; Malay 13% (Báo cáo Nền Kinh tế số Đông Nam Á lần thứ 7 do Google Temasek Bain & Company). KTS đóng góp tới 14,26% trong GDP năm 2022, tăng 2,35% so với năm 2021. Trong đó, lĩnh vực của kinh tế số đóng góp nhiều nhất là kinh tế số kỹ thuật với 50,64%. KTS của Việt Nam được đánh giá đạt 23 tỷ USD trong năm 2022 và đang trên đà đạt 50 tỷ USD vào năm 2025, với mức tăng trưởng nhanh nhất tại khu vực nhờ sự đột phá trong ngành thương mại điện tử (Google, Temasek, Bain & Company, 2022).



**Hình 1. Tỷ trọng và giá trị kinh tế số trong GDP**

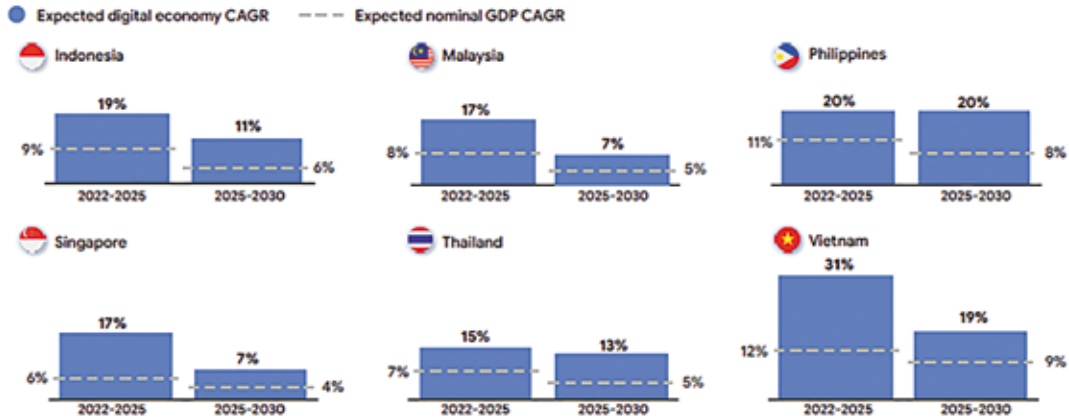
Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông (2022)

Chuyển đổi số đã góp phần thúc đẩy các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế số, đóng góp sản lượng lớn cho sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia với mức đóng góp 23 tỷ USD trong năm 2022.

Xét về sản lượng, kinh tế số của Việt Nam mới chỉ đạt mức tăng trưởng mạnh

từ năm 2019 với 13 tỷ USD, sang đến năm 2022 đã đóng góp tới hơn 5,5% trong GDP.

Chỉ số sẵn sàng mạng (Network Readiness Index - NRI) thể hiện thứ tự xếp hạng các quốc gia tham gia vào nền kinh tế số trong bảng chỉ số



**Hình 2. Giá trị nền kinh tế kỹ thuật số các giai đoạn (tỷ USD)**

*Nguồn: Phân tích của Bain (2022)*

sẵn sàng mạng. Việt Nam, Bangladesh, Campuchia và Philippines nổi bật ở khu vực Châu Á & Thái Bình Dương. Tại bảng xếp hạng này, Việt Nam đạt xếp hạng thứ 62 (không thay đổi so với năm trước đó). Các chỉ số thành phần lần lượt đạt: Trụ cột công nghệ xếp hạng 50 (tăng 7 bậc so với năm trước đó); Trụ cột Con người xếp hạng thứ 80 (tăng 2 bậc so với năm trước đó); Trụ cột Quản lý công xếp hạng thứ 76 (tăng

4 bậc so với năm trước đó); Trụ cột Tác động đạt xếp hạng 41, giảm 8 bậc so với năm trước đó. So với các quốc gia trong khu vực ASEAN, Việt Nam có thứ hạng thấp nhất trong số các quốc gia so sánh. Thứ hạng của 2 trụ cột Công nghệ và Con người đều thấp hơn các quốc gia so sánh, chỉ riêng trụ cột về Tác động (đánh giá kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh) Việt Nam đạt thứ hạng cao thứ hai sau Malaysia.

**Bảng 1. Chỉ số sẵn sàng mạng NRI Việt Nam so sánh với một số quốc gia**

Diễn giải	Chỉ số Sẵn sàng Mạng (NRI)	Công nghệ	Con người	Quản lý công	Tác động
Indonesia	59	48	66	64	67
India	61	56	46	83	62
Viet Nam	62	50	80	76	41
Malaysia	36	36	35	40	39
Thailand	46	47	45	48	46

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu*

Tại bảng xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index (GII) 2022), Việt Nam được đánh giá thứ hạng 48, kém Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ và hơn thứ hạng của Indonesia

trong khu vực, giảm 4 bậc so với năm 2021 (trước đó được đánh giá 44/132 nền kinh tế). Nhóm chỉ số đánh giá đầu vào dành cho đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng 01 bậc (59/132) so với xếp hạng

năm 2021; nhưng, nhóm chỉ số đầu ra của đổi mới sáng tạo (ĐMST) lại giảm 02 bậc so với đánh giá năm trước đó. Theo đánh giá năm 2022, Việt Nam tuy được đánh giá thuộc nhóm nước có hiệu quả ĐMST trên mức phát triển, nhưng không còn giữ được vị trí đứng đầu trong đổi mới của nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, mà được thay thế bởi Ấn Độ. Về hai nhóm chỉ số chính đánh giá thứ hạng của Việt Nam thì nhóm chỉ số đầu vào của ĐMST tăng 1 bậc (59/132) và nhóm chỉ số đầu ra của ĐMST giảm 3 bậc (41/132).

Một trong những nguyên nhân chính của việc này là tác động tiêu cực mạnh mẽ của dịch bệnh COVID-19 đến Việt Nam, khiến cho các chỉ số đầu ra của đổi mới sáng tạo bị giảm sút. Tuy nhiên, việc tụt hạng này không mang lại quá nhiều lo lắng khi mà các chỉ số về đầu vào của ĐMST vẫn liên tiếp được đánh giá cao, những trụ cột quan trọng đóng góp vào sự phát triển lâu dài của ĐMST Việt Nam liên tục thăng hạng, như: Thẻ chế (từ 83 lên xếp hạng 51); Cơ sở hạ tầng (từ 79 lên 71); Sản phẩm sáng tạo (từ 42 lên 35). Các chỉ số tụt hạng nhiều, như: Trình độ phát triển của thị trường (từ 22 lên 43); Trình độ phát triển của kinh doanh (từ 47 lên 50); Sản phẩm tri thức và công nghệ (từ 41 lên 52) có các chỉ số thành phần thay đổi, là kết quả của các diễn biến kinh tế tiêu cực trong ngắn hạn, có thể thay đổi trong sự phục hồi của Việt Nam trong tương lai. So sánh với một số quốc gia lân cận trong khu vực, Việt Nam có thể mạnh đối với chỉ số thành phần về Thẻ chế và các Sản phẩm đầu ra sáng tạo khi chỉ xếp sau Malaysia. Đối với các

nhóm chỉ số còn lại, Việt Nam chỉ đạt thứ hạng tốt hơn Indonesia và thấp hơn cả 03 quốc gia so sánh còn lại.

## **1.2. *Thực trạng phát triển của một số lĩnh vực kinh tế số***

Đại dịch COVID-19 là cơ hội thúc đẩy chuyển đổi số, từ đó đóng góp vào sự phục hồi kinh tế. Đại dịch đã gây ra tổn thất sản lượng lớn và dai dẳng trên toàn thế giới. Theo dự báo của IMF (2020), mức GDP toàn cầu cho năm 2024 thấp hơn khoảng 5,3% so với mức dự báo trước đó được đưa ra vào năm 2018. Đại dịch này đã tác động lên kinh tế thế giới thông qua 06 kênh tác động chính: (1) Gián đoạn chuỗi cung ứng; (2) Hạn chế khả năng di chuyển; (3) Căng thẳng địa chính trị; (4) Giảm thu nhập khả dụng của người dân; (5) Giá cả leo thang; (6) Số lượng sản phẩm sẵn có hạn chế (Google, Temasek, Bain & Company (2022)).

Giai đoạn năm 2020-2021, kể từ khi đại dịch bắt đầu tính đến nửa đầu năm 2021, thời điểm bùng phát dịch bệnh Covid-19, Việt Nam đã có đến 8 triệu người tiêu dùng kỹ thuật số; 55% trong số họ đến từ các khu vực không phải thành thị. Việc sử dụng kỹ thuật số với mức độ cao đã trở thành một lối sống, theo đó có tới 97% người tiêu dùng mới vẫn đang sử dụng dịch vụ và 99% có ý định tiếp tục sử dụng trong tương lai. Chuyển đổi số được cho là một trong những biện pháp cứu cánh cho nền kinh tế đang trì trệ, đặc biệt là góp phần giảm thiểu những mất mát trong sản xuất, kinh doanh. Theo Google, Temasek, Bain & Company (2021), 30% nhà bán hàng kỹ thuật số tại Việt Nam tin rằng, họ không

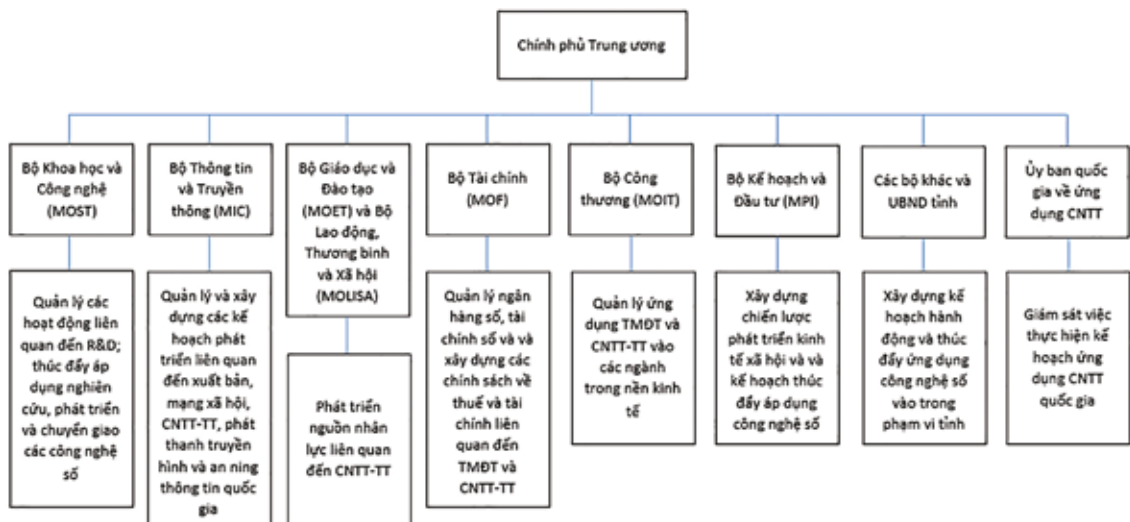
thể vượt qua đại dịch nếu không có các nền tảng kỹ thuật số. Các dịch vụ tài chính, kỹ thuật số đang trở thành nền tảng hỗ trợ quan trọng, theo đó 99% nhà bán hàng kỹ thuật số hiện chấp nhận hình thức thanh toán trực tuyến và 72% đang áp dụng các giải pháp cho vay kỹ thuật số. Nhiều nhà bán hàng đang dùng các công cụ kỹ thuật số để thu hút khách hàng và 72% dự kiến sẽ tăng mức sử dụng các công cụ tiếp thị này trong 5 năm tới.

Sang đến giai đoạn từ quý IV/2021 đến hết năm 2022, chuyển đổi số không còn chỉ là một biện pháp ngắn hạn hỗ trợ cho quá trình kinh doanh từ xa nữa, mà dần dần chuyển đổi số đã trở thành một nếp sống và khiến cho các phương thức kinh doanh truyền thống phải thay đổi. Chuyển đổi số đóng góp quan trọng vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế dài hạn của Việt Nam thông qua giải quyết một phần các vấn đề hậu đại dịch, như: thất nghiệp, giảm sút tăng trưởng kinh tế ở các lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề. Chuyển đổi số đã tiếp tục diễn ra, thể hiện

qua nhu cầu sử dụng Internet và mạng viễn thông của Việt Nam có xu hướng gia tăng từ năm 2020 đến năm 2022 được phản ánh bởi tỷ lệ người sử dụng Internet tăng trưởng đến gần 4%, tuy có chậm lại vào năm 2022. Trong khi đó tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang vẫn gia tăng với mức tăng trưởng trung bình 7,15% trong 03 năm qua.

1.2.1. Cơ cấu bộ máy quản lý kinh tế số tại Việt Nam

Mặc dù Chính phủ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của nền kinh tế số, nhưng vẫn chưa có một chính sách, chiến lược mang tính toàn diện về phát triển kinh tế số tại Việt Nam (Sangwon và cộng sự, 2017; CSIRO, 2019; Peter, 2018). Kinh tế số tại Việt Nam chịu sự quản lý của nhiều tổ chức khác nhau. Các cơ quan quản lý hoạt động kinh tế số phải thực hiện cả quản lý các hoạt động kinh tế thực, nên hiệu quả quản lý chưa cao và thiếu tính định hướng, ưu tiên trong phân công nhiệm vụ.



Hình 3. Hệ thống quản lý kinh tế số tại Việt Nam

Nguồn: CSIRO (2019)

**1.2.2. Lĩnh vực sản xuất công nghệ thông tin- truyền thông**

Ngành sản xuất công nghệ thông tin-truyền thông (CNTT-TT) của Việt Nam từ lâu đã là một động lực quan trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và kim ngạch xuất nhập khẩu của quốc gia, bao gồm công nghệ tài chính (fintech), viễn thông, sản xuất linh kiện điện tử và máy tính và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Năm 2021, cả nước có 6 khu CNTT tập trung với tổng quỹ đất lên tới 2,425km<sup>2</sup>; tổng số doanh nghiệp CNTT-TT là 68.070 doanh nghiệp, tăng 138% so với năm 2017; tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm là 18%; trong đó,

số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT-TT chiếm gần một nửa. Doanh thu và số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này của Việt Nam có dấu hiệu tăng trưởng tốt, kể cả trong bối cảnh dịch bệnh, tuy có chững lại về tổng doanh thu vào thời điểm năm 2019-2020 do các doanh nghiệp phần cứng điện tử bị đình trệ, ngừng sản xuất; năm 2021 doanh thu ngành này đã đạt mức 125.4 triệu USD. Số lượng và quy mô các doanh nghiệp phần mềm và nội dung số tăng liên tục, thể hiện vai trò quan trọng giải quyết việc làm; chỉ tính riêng từ năm 2021 đã có hơn 4.000 doanh nghiệp phần mềm được thành lập mới.

**Bảng 2. Doanh thu và số lượng doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp CNTT**

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
<b>1. Doanh thu (triệu USD)</b>					
Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	87.731	98.470	107.930	119.378	134.307
Doanh thu công nghiệp phần cứng, điện tử	81.582	91.516	100.338	111.034	125.472
Doanh thu công nghiệp phần mềm	3.779	4.447	4.932	5.439	5.728
Doanh thu công nghiệp nội dung số	799	825	851	888	858
Doanh thu dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	1.571	1.682	1.809	2.017	2.249
<b>2. Số lượng doanh nghiệp (DN)</b>					
Tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp CNTT	49.062	54.945	58.454	60.304	68.070
Doanh nghiệp phần cứng, điện tử	3.726	4.179	4.573	4.705	5.731
Doanh nghiệp phần mềm	12.332	14.345	15.079	15.440	19.688
Doanh nghiệp nội dung số	546	633	678	702	884
Doanh nghiệp dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	7.011	7.731	8.294	8.553	9.255
Doanh nghiệp buôn bán, phân phối CNTT	25.447	28.057	29.830	30.904	32.512

*Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông (2022)*

Cơ cấu này đã thể hiện xu hướng phát triển bền vững và mạnh mẽ của doanh nghiệp phần cứng, điện tử của ngành CNTT-TT. Nhóm doanh nghiệp phần cứng, điện tử tuy chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ về tổng số lượng doanh nghiệp của ngành (28,9%), nhưng chiếm đến 92,43% doanh thu. Điều đó cũng có nghĩa là, các doanh nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT chiếm số lượng lớn trong cơ cấu, nhưng đạt tỷ doanh thu rất thấp. Một đặc điểm quan trọng của ngành CNTT-TT Việt Nam là các doanh nghiệp CNTT-TT đa phần là vừa và nhỏ, đông về số lượng, đóng góp ít về mặt kinh tế. Trong khi đó, các doanh nghiệp CNTT-TT lớn của nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, chủ yếu thực hiện các hoạt động gia công phần cứng để xuất khẩu, như Sam Sung, LG, GE, Sony tuy có đóng góp lớn về kinh tế, nhưng Việt Nam thu được rất ít lợi ích từ các hoạt động này, chủ yếu góp phần giải quyết việc làm cho lao động giản đơn. Các doanh nghiệp CNTT-TT trong nước tham gia rất ít vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp CNTT-TT nước ngoài, thể hiện xu hướng phát triển không thực sự bền vững và chưa chú trọng vào chất lượng phát triển.

### 1.2.3. Lĩnh vực tài chính kỹ thuật số (fintech)

Với quy mô dân số đạt gần 99 triệu người với tuổi trung bình 31,9, tỷ lệ sử dụng Internet hơn 74%, tỷ lệ sử dụng

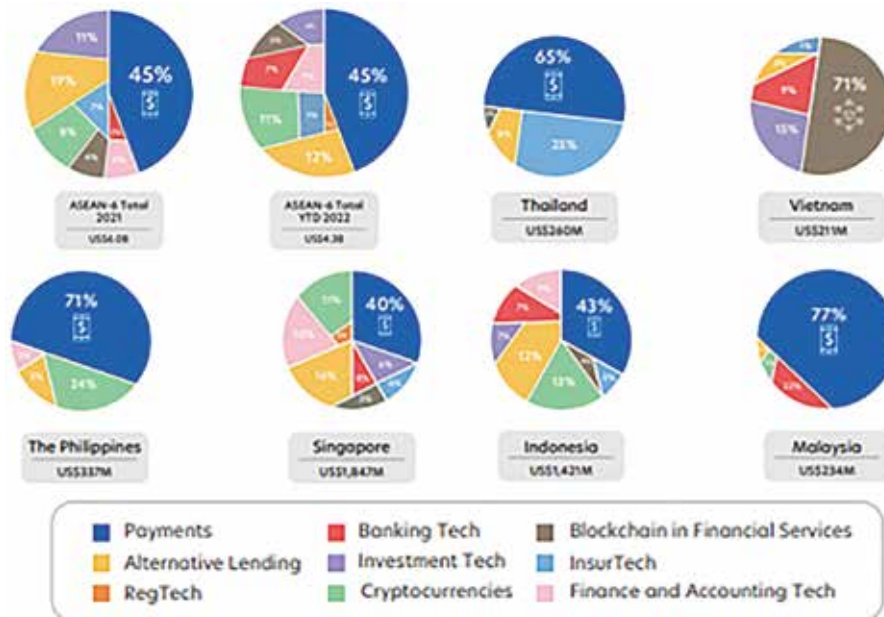
điện thoại thông minh hơn 69% (ước tính 2025 là 85%), Việt Nam được quốc tế đánh giá là quốc gia tiềm năng trong lĩnh vực fintech<sup>1</sup>. Fintech vào giai đoạn 2019-2021 đã trở thành một trong những kênh huy động vốn, tài chính hiệu quả trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, đã trở thành một phương thức tài chính mới trong đời sống người dân ở trên thế giới và ở Việt Nam. Có tới 70% số người được hỏi ở ASEAN sử dụng các ứng dụng tài chính, trong đó cao nhất là ở Thái Lan và Việt Nam (83%) (UOB, Pwc, SFA, 2022). Trong số những người sử dụng các ứng dụng như vậy, gần 3/4 sử dụng chúng ít nhất một lần một tuần. Việt Nam có mức sử dụng cao nhất đối với đầu tư vi mô và bảo hiểm tích hợp.

FinTech Việt Nam cho thấy tiềm năng to lớn, đóng góp vào tăng trưởng FinTech của ASEAN. Hệ sinh thái FinTech tại Việt Nam đang phát triển nhanh chóng, với hơn 200 công ty đang hoạt động. Ví điện tử và thanh toán trực tuyến dẫn đầu, tiếp theo là cho vay P2P và các thực thể chuỗi khối. Năm 2022, thị trường ví điện tử cạnh tranh khốc liệt, thúc đẩy các nhà cung cấp ví điện tử hợp nhất thành siêu ứng dụng hàng đầu nhằm chiếm lĩnh thị trường. Chính phủ đã có nỗ lực lớn trong việc hoàn thiện khung pháp lý, cũng như xây dựng Sandbox. Việt Nam là quốc gia ASEAN-6 duy nhất không có Sandbox điều tiết vào đầu năm 2022, là một trong số ít các quốc

<sup>1</sup> Overseas Bank, PricewaterhouseCoopers, Singapore Fintech Association (2022), FinTech in ASEAN 2022: Finance, reimaged, Available at: <https://www.uobgroup.com/techecosystem/news-insights-fintech-in-asean-2022.html>

gia không có các quy định pháp lý về lĩnh vực này. Vào năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố kế hoạch phát triển một hộp thử nghiệm quy định cho các công ty FinTech nhằm thu thập

ý kiến phản hồi về các nội dung dự thảo quy định pháp luật cho lĩnh vực này. Điều này cho thấy các thành tựu đạt được và tầm ảnh hưởng của Fintech là vô cùng mạnh mẽ.



**Hình 4. Hình thức thanh toán dẫn đầu về số lượng tài trợ**

*Nguồn: Overseas Bank, Pricewaterhouse Coopers, Singapore Fintech Association (2022)*

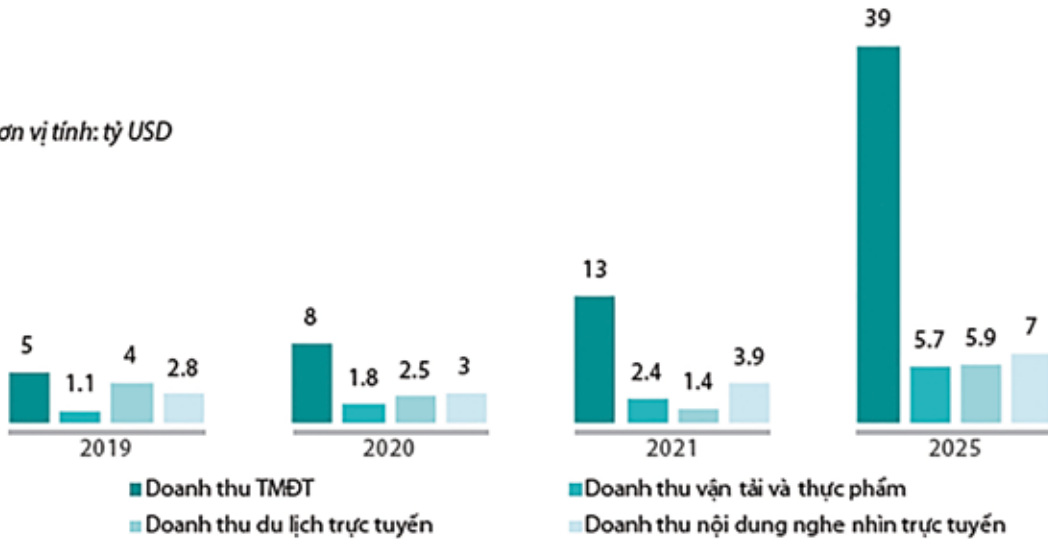
**1.2.4. Lĩnh vực thương mại điện tử**

Thương mại điện tử (TMĐT) là một trong những ngành có tiềm năng đóng góp lớn, dần trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam. Năm 2021, doanh thu của ngành TMĐT Việt Nam đạt 13 tỷ USD, dự báo sẽ đạt 39 tỷ USD vào năm 2025 (Google, Temasek và Bain & Company, 2022). Doanh thu này trong năm 2021 kém Malaysia (đạt 14 tỷ USD), Thái Lan (đạt 21 tỷ USD), Indonesia (đạt 53 tỷ USD); hơn Philippines (đạt 12 tỷ USD); bằng Singapore (13 tỷ USD) và chiếm 10,83% doanh thu của

cả khu vực Đông Nam Á. Doanh thu này của Việt Nam được dự báo sẽ chỉ còn kém Indonesia vào năm 2025, đứng thứ 02 trong khu vực Đông Nam Á. Theo Cơ quan Thương mại Điện tử và Công nghệ Thông tin Việt Nam (VECITA), thị trường thương mại điện tử của Việt Nam đang tăng trưởng 35% /năm - nhanh hơn 2,5 lần so với Nhật Bản. Doanh thu bán lẻ trực tuyến của Việt Nam đạt 6,2 tỷ đô la Mỹ vào năm 2017, cao hơn gấp đôi so với năm 2014<sup>1</sup>. Hiện số lượng người tham gia mua sắm trực tuyến tại Việt Nam tăng đều và đã đạt mốc 40 triệu người.

<sup>2</sup> Vietnam e-Commerce and Digital Economy Agency, 2019; E-commerce white book 2018, Vietnam

Đơn vị tính: tỷ USD



Hình 5. Doanh thu một số ngành kinh tế

Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông (2022)

Một trong những nguyên nhân chính cho kết quả ấn tượng nêu trên là quy mô số người tiêu dùng mua sắm trực tuyến ở Việt Nam khá lớn (hơn 50% dân số quốc gia), đạt 54,6 triệu người vào năm 2021, bình quân giá trị giá trị mua sắm trực tuyến của mỗi người đạt 251 USD. Thị trường mua sắm trực

tuyến của Việt Nam là hấp dẫn đối với các doanh nghiệp khi tỷ lệ người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến lên đến 74.8% và 91% người dùng sử dụng điện thoại di động. Sự phổ cập các hạ tầng mạng kết nối 3G, 4G sẽ là sự hỗ trợ mạnh mẽ đối với sự phát triển của phân khúc này.

Bảng 3. Thị trường TMĐT ở Việt Nam

Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021	Dự báo 2022
Ước tính số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến (triệu người)	33,6	39,9	44,8	49,3	54,6	57 - 60
Ước tính giá trị mua sắm trực tuyến của một người (USD)	186	202	225	240	251	260 -285
Tỷ trọng doanh thu TMĐT B2C so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước (%)	3,6	4,2	4,9	5,5	7	7,2-7,8
Tỷ lệ người dân sử dụng Internet (%)	58,1	60	66	70	73	75

Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông (2022)

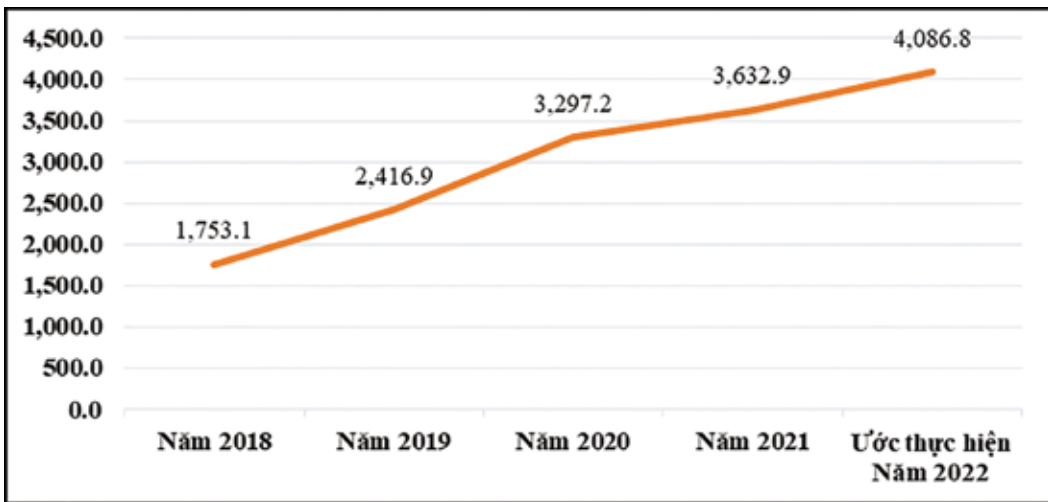
Tuy nhiên, theo khảo sát của Bộ Thông tin & Truyền thông (2022), Việt Nam đạt được con số ấn tượng trong thời gian vừa qua, một phần còn nhờ các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực vốn lớn đã mạnh tay đưa ra các chính sách khuyến mãi, giảm giá đối với các sản phẩm thương mại điện tử nhằm tạo ra thói quen tiêu dùng cho người dân Việt Nam. Khi các hình thức khuyến mãi, giảm giá này ít đi thì quy mô thị trường sẽ có nguy cơ tăng trưởng không còn mạnh mẽ như trước.

#### 1.2.5. Lĩnh vực an ninh mạng

An ninh mạng là một cơ sở quan trọng đối với chuyển đổi số. Chuyển đổi số đồng nghĩa với việc kỹ thuật số

hóa các giao dịch trong đời sống xã hội thành các giao dịch trên không gian số. Vì vậy, các giao dịch này cũng phải được đảm bảo an toàn, an ninh như các giao dịch truyền thống. Đồng thời, việc tăng cường an ninh mạng còn giúp tăng cường sự tin tưởng của người dân đối với các hoạt động chuyển đổi số. Việt Nam trong thời gian vừa qua cũng đã có nhiều bước đi, đạt được nhiều thành tựu đối với an ninh mạng.

Lĩnh vực an ninh mạng cần được ưu tiên trong tương lai khi liên tiếp đạt được các con số tăng trưởng dương về doanh thu và lợi nhuận, đồng thời đã nộp vào ngân sách 213,7 tỷ đồng, đóng góp vào GDP 2.758,6 tỷ đồng.



**Hình 6. Doanh thu lĩnh vực an toàn thông tin mạng (tỷ đồng)**

Số doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này tăng từ 23 doanh nghiệp vào năm 2017 lên 91 doanh nghiệp vào năm 2021. Trong đó, các doanh nghiệp nhập khẩu dịch vụ an toàn thông tin mạng chiếm số lượng nhiều nhất, với 75 doanh nghiệp. Lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng của Việt Nam cũng là 18 doanh nghiệp.

Hoạt động an toàn thông tin mạng cũng được các tổ chức đề cao, theo đó 90% các tổ chức tại Việt Nam đã ban hành quy chế, quy định về an toàn thông tin mạng áp dụng cho hoạt động nội bộ và có đến 85% tổ chức có đơn vị hay bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin vào năm 2021. Nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động này có xu hướng tăng theo

thời gian, từ 2.300 người năm 2020 tăng lên 2.310 người năm 2021, tuy nhiên vẫn còn rất khiêm tốn so với khu vực.

## 2. Một số khuyến nghị

*Thứ nhất*, cần đẩy mạnh xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ kinh tế số. Hạ tầng cơ sở phục vụ kinh tế số là một trong những yêu cầu cơ bản, nền tảng để xây dựng được hệ thống kỹ thuật số. Tuy đã đạt được nhiều thành tích trong thời gian vừa qua, nhưng hạ tầng viễn thông của Việt Nam vẫn được đánh giá ở mức thấp so với thế giới. Cần phải coi kinh tế số là một ưu tiên phục vụ cho tăng trưởng quốc gia trong dài hạn và là xu thế tất yếu của thế giới và của Việt Nam, tránh bị bỏ lại phía sau so với sự phát triển của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam có nguồn nhân lực ở độ tuổi trung bình trẻ (32.7) và tỷ lệ tiếp cận Internet cao.

*Thứ hai*, cần có cơ chế thiết thực hơn để hỗ trợ kinh tế số trong doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp thực hiện kinh tế số như một công cụ hỗ trợ chỉ trong thời kỳ Covid-19. Do đó, cần có những chính sách, cơ chế thích hợp thúc đẩy nhu cầu của doanh nghiệp về sử dụng công nghệ số, làm doanh nghiệp coi áp dụng kinh tế số như một chiến lược dài hạn của doanh nghiệp, chứ không chỉ là biện pháp tạm thời.

*Thứ ba*, đẩy nhanh xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia tiến tới trở thành dữ liệu mở. Đây là một trong các ưu tiên cơ bản khi xây dựng nền tảng kinh tế số quốc gia. Để có thể ứng dụng được công nghệ số thì trước hết phải có cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích và ứng dụng. Việc triển khai các hệ thống cơ sở

dữ liệu quốc gia có thể hỗ trợ xây dựng chính phủ số, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với xã hội và nền kinh tế, góp phần nâng cao phúc lợi cho người dân, doanh nghiệp số bằng cách tiếp cận thông tin của thị trường.

*Thứ tư*, nghiên cứu, đề xuất cơ chế cho hệ thống nhân sự làm việc chuyên trách đối với công nghệ thông tin ở khu vực công, chính phủ số. Vấn đề nhân sự chuyên trách là một rào cản cho khu vực công, chính phủ số. Việc nâng cao khả năng kiêm nhiệm của tất cả các nhân sự hiện có trong đơn vị sẽ tốn kém hơn rất nhiều so với việc sử dụng các nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin. Tuy nhiên, việc gia tăng số lượng nhân sự trong khu vực công gặp một số rào cản, như: quy định về tinh giảm biên chế, tinh gọn bộ máy. Do đó, cần có cơ chế đặc thù cho nhân sự hệ thống công nghệ thông tin trong các tổ chức thuộc khu vực công.

*Thứ năm*, doanh nghiệp cần chủ động, tích cực tham gia vào kinh tế số như một ưu tiên dài hạn cho doanh nghiệp. Kinh tế số không còn là một giải pháp ngắn hạn trong thời kỳ Covid-19, mà cần được xây dựng như một chiến lược dài hạn, tuy vốn đầu tư ban đầu là cao, nhưng các lợi ích mà kinh tế số mang lại là cũng rất cao và mang tính lâu dài không chỉ cho doanh nghiệp mà cho cả xã hội, giúp đất nước đổi mới thành công được với nguy cơ tụt hậu trong cuộc đua tranh phát triển trên thế giới. Doanh nghiệp cần tránh bị động, chờ cơ chế, chính sách từ Chính phủ, trái lại cần chủ động tham gia với tốc độ nhanh nhất để bắt kịp với xu thế công nghệ thế giới./.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bộ KH&ĐT (2021), Báo cáo thường niên: *Chuyển đổi số năm 2021-Rào cản và nhu cầu kinh tế số*
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2021), *Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2021*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2020), Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2020, NXB Thông tin và Truyền thông
4. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Sách trắng Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt Nam 2021*, NXB Thông tin và Truyền thông
5. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2021*, NXB Thông tin và Truyền thông
6. Bộ Thông và Truyền thông, (2022), “*Cảm nang Kinh tế số*”, tại <https://dx.mic.gov.vn/docs/chuyen-doi-so-la-gi/>
7. Cameron A, Pham T H, Atherton J, Nguyen D H, Nguyen T P, Tran S T, Nguyen T N & Trinh H Y. Hajkowicz S (2019), *Tương lai nền kinh tế số Việt Nam – Hướng tới năm 2030 và 2045*, CSIRO, Brisbane
8. Cameron A, Pham T H, Atherton J, Nguyen D H, Nguyen T P, Tran S T, Nguyen T N, Trinh H Y & Hajkowicz S (2019), *Vietnam's future digital economy – Towards 2030 and 2045*, CSIRO, Brisbane
9. Dutta, S. and Lanvin, B. (2019), *The Network Readiness Index 2020: Towards a Future-Ready Society*, Portulans Institute
10. Dutta, S. and Lanvin, B. and Wunsch-Vincent, S. (2020), *The Global Innovation Index 2020: Who will Finance Innovation?*, Cornell University, INSEAD and the World Intellectual Property Organization
11. Google, Temasek, Bain& company (2022), “*E-Conomy SEA 2022 Report*”
12. Ngân hàng Thế giới (2021), *Chuyển đổi Chính phủ số tại Việt Nam: Bài học toàn cầu và khuyến nghị chính sách*
13. Nguyễn Anh Dương (2020), *Phát triển kinh tế số Việt Nam trong thời kỳ hậu COVID-19*, CIEM 2020